

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 17 – 02 – 2023

“V/v Ly hôn,
Tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Lựu
2. Ông Đoàn Ngọc Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 127/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXX - ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST – HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Hồ Thị N, sinh năm 1983

* Bị đơn: Ông Nguyễn L, sinh năm: 1980

Nguyên đơn, bị đơn cùng HKTT: Thôn Vinh Ngạn, xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Cùng tạm trú: Tổ 3, khu phố 1, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.
(Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 10/11/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là ông L

thường xuyên uống rượu say, không chịu làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình. Mỗi lần uống rượu về gây gỗ, đập phá đồ đạc trong nhà, tình trạng này kéo dài đã vài năm, bà N có khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông L vẫn không thay đổi. Bà N cảm thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà và ông L có hai con chung tên Nguyễn Thị Thu L1, sinh ngày 26/08/2005 và Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 14/6/2015. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi; không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông L tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn L trình bày:

Ông và bà N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 10/11/2003. Trong thời gian chung sống ông thừa nhận có vài lần có lỗi với bà N vì tự quyết định mọi việc không hỏi ý kiến bà N. Tuy nhiên, trước yêu cầu ly hôn của bà N ông không đồng ý, vì ông vẫn còn yêu thương vợ con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu.

Về con chung: Ông và bà N có hai con chung tên Nguyễn Thị Thu L1, sinh ngày 26/08/2005 và Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 14/6/2015. Khi ly hôn ông không có ý kiến gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Tại phiên tòa Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57; 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông Nguyễn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông L vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt, bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2003 tại xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 161, quyển số 01. Do vậy, hôn nhân giữa bà N và ông L là hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng, bà N và ông L thừa nhận trong thời gian chung sống có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau, vợ chồng hiện đã sống ly thân. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc và tôn trọng đối với nhau. Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết, Tòa án đã triệu tập ông L nhiều lần để hòa giải đoàn tụ với bà N nhưng ông L vẫn không lên Tòa làm việc, điều này chứng tỏ ông L không có thiện chí muốn hòa giải, xây dựng gia đình hạnh phúc với bà N. Từ những điều trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông L đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn có căn cứ nên cần được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình 2014 Hội đồng xét xử cho bà N được ly hôn với ông L.

[2.2] Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy, hiện bà N có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện kinh tế nuôi cả hai con chung. Quá trình vợ chồng sống ly thân bà N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy các con chung. Các con được chăm sóc tốt và đi học đầy đủ. Đồng thời, các cháu L1, H đều có nguyện vọng ở với mẹ. Do vậy, để tạo điều kiện tốt nhất cho con chưa thành niên cần chấp nhận yêu cầu của bà N về việc được trực tiếp nuôi hai con chung.

Do bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Hồ Thị N được ly hôn với ông Nguyễn L.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Thu L1, sinh ngày 26/08/2005 và Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 14/6/2015 cho bà Hồ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu L1, H đủ 18 tuổi.

Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông L không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Bà N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo Biên lai thu số 0008343 ngày 31/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- UBND xã Phong Xuân, huyện phong Điền,

tỉnh Thừa Thiên Huế

(số 161, ngày 10/11/2003)

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thị Tịnh

